

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số ~~856~~ /UBND-TCKH

Quận 7, ngày 14 tháng 04 năm 2023.

V/v báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản năm 2022

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận;
- Thủ trưởng các phòng, ban thuộc quận;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường;
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận.

Thực hiện Công văn số 8925/STC-CS ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022,

Nay, Ủy ban nhân dân quận có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ các nội dung tại Công văn số 8925/STC-CS ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) trước ngày 31 tháng 01 năm 2023 để tổng hợp báo cáo sở Tài chính, cụ thể như sau:

1.1. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 theo mục 1 Công văn số 8925/STC-CS.

1.2. Báo cáo kê khai tài sản công và thực hiện rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công theo mục 2 Công văn số 8925/STC-CS.

1.3. Báo cáo tình hình xây dựng, sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo mục 3 Công văn số 8925/STC-CS.

1.4. Báo cáo tình hình thực hiện việc công khai tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo mục 4 Công văn số 8925/STC-CS.

1.5. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo mục 5 Công văn số 8925/STC-CS.

1.6. Cung cấp chỉ tiêu thống kê về giá trị tài sản cố định của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 7 (mẫu 013.N/BCS-XDĐT đính kèm) theo mục 7 Công văn số 8925/STC-CS

2. Giao Phòng Quản lý Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo tình hình quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng về Sở Tài chính theo mục 6 Công văn số 8925/STC-CS ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) để được hướng dẫn thực hiện./.

(Đính kèm Công văn số 8925/STC-CS ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính) 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND quận 7 (CT, PCT);
- VP UBND Quận;
- Lưu VT, P.TCKH.



**Hoàng Minh Tuấn Anh**



Ký bởi: Sở Tài chính  
Email: stc@phcm.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hồ  
Chí Minh  
Thời gian ký: 20.12.2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 8925 /STC-CS

Về việc báo cáo tình hình quản lý,  
sử dụng tài sản công năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở - ban - ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (gọi tắt là Tổ chức);
- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Thành phố (gọi tắt là Doanh nghiệp)

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có báo cáo gửi Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định; Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; người đứng đầu các Tổ chức và các Doanh nghiệp thực hiện Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022, gửi về Sở Tài chính trước ngày 31/01/2023 theo các nội dung sau:

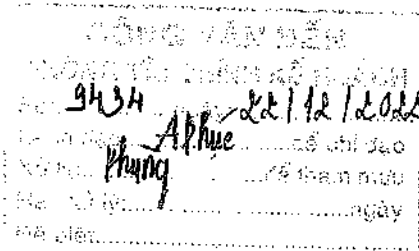
**1. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022:**

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

- Tại Điều 125 (báo cáo tài sản công):

"1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện báo cáo đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với các loại tài sản công sau đây, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng báo cáo các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính để



quản lý thống nhất, tập trung trong phạm vi cả nước:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm: Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản cố định khác (trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân);

b) Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (xem thêm Điều 87) (trừ tài sản đặc biệt phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an);

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Báo cáo tài sản công quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo kê khai tài sản công;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công."

- Tại Điều 130 (báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công):

"Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 125 Nghị định này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên (nếu có) trước ngày 31 tháng 01;

b) Cơ quan cấp trên lập báo cáo gửi bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02;

c) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3;..."

- Tại Điều 131 (nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công):

"1. Nội dung báo cáo của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản công:

a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

- Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;

- Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong kỳ báo cáo;

- Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo;

b) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Nội dung báo cáo của cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công: Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công."

Đề nghị quý cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 125, Điều 130, Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Các mẫu biểu gửi kèm theo được quy định tại Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; trong đó:

- Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản công theo Mẫu số 8a-ĐK/TSC bậc 1 (gồm 3 phần: Phần 1: Tổng hợp chung; Phần 2: Chi tiết theo từng loại hình đơn vị; Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị).

- Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo Mẫu số 8b-ĐK/TSC bậc 1 (gồm 3 phần: Phần 1: Tổng hợp chung; Phần 2: Chi tiết theo từng loại hình đơn vị; Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị).

- Số liệu được kết xuất từ Phần mềm Quản lý tài sản công (địa chỉ truy cập: <https://qltsc.mof.gov.vn>) – không áp dụng cho doanh nghiệp.

**2. Về việc lập Báo cáo kê khai tài sản công và thực hiện rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công**

(1) Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

- Tại Điều 126 (Báo cáo kê khai tài sản công)

"1. Báo cáo kê khai tài sản công được áp dụng đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 125 Nghị định này.

2. Đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công được quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 125 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản công đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 125 Nghị định này;

c) Đối tượng được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 125 Nghị định này;

d) Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 125 Nghị định này;

đ) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 125 Nghị định này.

3. Đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công quy định tại khoản 2

Điều này thực hiện báo cáo kê khai tài sản công trong các trường hợp sau:

a) Tài sản công hiện đang quản lý, sử dụng tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được báo cáo kê khai để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

b) Có thay đổi về tài sản công do đầu tư xây dựng, mua sắm, nhận bàn giao; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; thu hồi, giao, điều chuyển, tiêu hủy, bán, thanh lý, ghi giảm do bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý khác theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền; chuyển đổi công năng sử dụng tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thời hạn báo cáo kê khai tài sản công được quy định như sau:

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này: Không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng."

...

6. Hình thức báo cáo kê khai tài sản công:

a) Báo cáo kê khai lần đầu được áp dụng đối với những tài sản công hiện đang quản lý, sử dụng tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Đối với tài sản công đã đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ thì không phải báo cáo kê khai lần đầu theo quy định này;

b) Báo cáo kê khai bổ sung được áp dụng đối với các trường hợp có thay đổi về tài sản công do đầu tư xây dựng, mua sắm, nhận bàn giao; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; thu hồi, giao, điều chuyển, tiêu hủy, bán, thanh lý, ghi giảm do bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý khác theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền; chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập, giải thể theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Báo cáo kê khai định kỳ do bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập theo quy định tại Điều 128 Nghị định này."

- Điều 128 (Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai định kỳ):

"1. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở số liệu kết xuất từ cơ sở dữ liệu về tài sản công, gồm:

a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản công theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản công theo mẫu do Bộ Tài

chính ban hành.

2. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi các báo cáo tại khoản 1 Điều này về Bộ Tài chính."

Đề nghị quý cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 126 và 128 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. (Các mẫu báo cáo theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính).

(2) Đối với việc rà soát, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công tại Phần mềm Quản lý tài sản công (địa chỉ truy cập: <https://qltsc.mof.gov.vn>):

Sở Tài chính đã có Công văn số 5372/STC-CS ngày 11/8/2022 về việc triển khai hệ thống Phần mềm thuộc dự án "Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công" và Công văn số 8377/STC-CS ngày 28/11/2022 về việc thực hiện cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công phục vụ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022; gửi đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện theo quy định.

Do đó, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện việc rà soát và chuẩn hóa số liệu về tài sản công của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia tại Phần mềm Quản lý tài sản công theo nội dung tại các Công văn nêu trên của Sở Tài chính.

(3) Đối với việc rà soát, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vào cơ sở dữ liệu Quốc gia tại Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (địa chỉ truy cập: <http://htgtdb.mof.gov.vn>)

Đề nghị Sở Giao thông Vận tải phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận huyện và các đơn vị trực thuộc được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện rà soát, kê khai, báo cáo, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vào Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trên cơ sở báo cáo kê khai của đơn vị trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Sở Giao thông Vận tải kiểm duyệt tính đầy đủ, chính xác của báo cáo và thực hiện xác nhận và gửi về Sở Tài chính (Phòng Quản lý công sản) để kiểm tra và duyệt dữ liệu vào chương trình theo đúng quy định.

(4) Đối với việc rà soát, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu về tài sản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung vào cơ sở dữ liệu Quốc gia tại Phần mềm Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (địa chỉ truy cập: <https://ctns.mof.gov.vn>)

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên thực hiện rà soát, kê khai, báo cáo, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung vào chương trình phần mềm "Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung", bảo đảm thông tin về tài sản được đầy đủ, kịp thời và chính xác. Trên

cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm duyệt tính đầy đủ, chính xác của báo cáo và thực hiện xác nhận và gửi về Sở Tài chính (*Phòng Tin học thống kê và quản lý nợ chính quyền địa phương*) để kiểm tra và duyệt dữ liệu vào chương trình theo đúng quy định.

### **3. Báo cáo tình hình xây dựng, sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**

Đề nghị quý cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (khoản 2 Điều 23) và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (khoản 3 Điều 138) và Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính (Điều 7) thực hiện báo cáo tình hình xây dựng, sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Báo cáo theo mẫu Báo cáo tiến độ ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đính kèm).

### **4. Báo cáo tình hình thực hiện việc công khai tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức:**

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công báo cáo tình hình triển khai thực hiện việc công khai tài sản công theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điều 121, 122, 123 và 124).

### **5. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công**

Đề nghị quý cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

### **6. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng: gồm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa); tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và kết cấu hạ tầng nước sạch**

Căn cứ quy định tại các Nghị định của Chính phủ gồm:

- Điều 32 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Điều 26 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Điều 27 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Điều 24 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch;

Ngày 31/8/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công; trong đó, tại điểm d mục 5 có nội dung:

"Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01), Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ; gửi Ủy ban nhân dân Thành phố theo đúng quy định và đồng gửi Sở Tài chính."

Do đó, Sở Tài chính đề nghị Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận – huyện và các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan để thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng: hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa), hạ tầng thủy lợi và hạ tầng nước sạch năm 2022, trình báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo đúng quy định và đồng gửi Sở Tài chính.

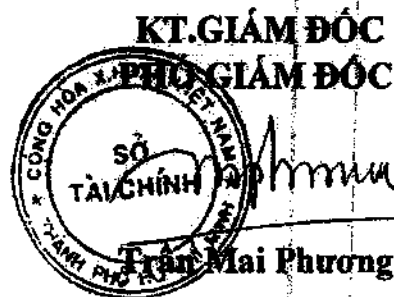
**7. Về việc cung cấp chỉ tiêu thống kê về Giá trị tài sản cố định của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp nhà nước trên địa bàn theo định kỳ hằng năm trước ngày 28/02 (theo mẫu 013.N/BCS-XDĐT)**

Để có số liệu thông tin về dữ liệu kinh tế xã hội cấp Thành phố phục vụ hệ thống chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố; Sở Tài chính đề nghị quý cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục cung cấp thông tin về Giá trị tài sản cố định của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp nhà nước trên địa bàn năm báo cáo 2022 (Báo cáo theo mẫu 013.N/BCS-XDĐT đính kèm) gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

Đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quan tâm, thực hiện. *N*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- UBNDTP (để b/c);
- GD, PGD/k;
- Lưu: VT.CS (L).



Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.....

## BÁO CÁO TIẾN ĐỘ BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

| Tiến độ ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công |                              |                                             |                      |            |                          |                      |                                                                                                                               |  |         |
|--------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------|----------------------|------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|
| STT                                                    | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị | Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) | Đã ban hành          |            |                          | Chưa ban hành        |                                                                                                                               |  | Ghi chú |
|                                                        |                              |                                             | Tổng số lượng đơn vị | QĐ số .... | Ngày, tháng năm ban hành | Tổng số lượng đơn vị | Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang xin ý kiến thẩm định; Đang trình cấp có thẩm quyền..... |  |         |
|                                                        |                              |                                             |                      |            |                          |                      |                                                                                                                               |  |         |
|                                                        |                              |                                             |                      |            |                          |                      |                                                                                                                               |  |         |
|                                                        |                              |                                             |                      |            |                          |                      |                                                                                                                               |  |         |
|                                                        |                              |                                             |                      |            |                          |                      |                                                                                                                               |  |         |

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)

**Trước ngày 28/02 năm 2023**

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN**

**May 2022**

\* Đơn vị nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thống kê thành phố

[illegible]

| BẢNG TÍNH GIÁ THEO LƯỢNG SẴNG ĐỊNH CHIA THEO LOẠI TẠI SÂN                                    |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------|
| Mã số                                                                                        | Nguyên giá | Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm | Nhà cửa, vật kiến trúc |                                | Máy móc, thiết bị |                                | Phương tiện vận tải, truyền dẫn |                                | TSCĐ khác |
|                                                                                              |            |                                | Nguyên giá             | Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm | Nguyên giá        | Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm | Nguyên giá                      | Giá trị hao mòn TSCĐ trong năm |           |
| R. Nhà ở thuê, vật thuê và gửi lại                                                           |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| S. Hàng tồn kho và khác                                                                      |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| T. Hàng công cụ, dụng cụ, công cụ lao động, vật tư tiêu thụ, vật tư khác và dịch vụ tiêu thụ |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| U. Hàng công cụ, dụng cụ, công cụ lao động, vật tư tiêu thụ, vật tư khác và dịch vụ tiêu thụ |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| V. Hàng công cụ, dụng cụ, công cụ lao động, vật tư tiêu thụ, vật tư khác và dịch vụ tiêu thụ |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| II. KHẨN THIỆT CẤP QUẢN LÝ                                                                   |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| 1. Trung tâm quản lý                                                                         |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |
| 2. Địa phương quản lý                                                                        |            |                                |                        |                                |                   |                                |                                 |                                |           |

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)